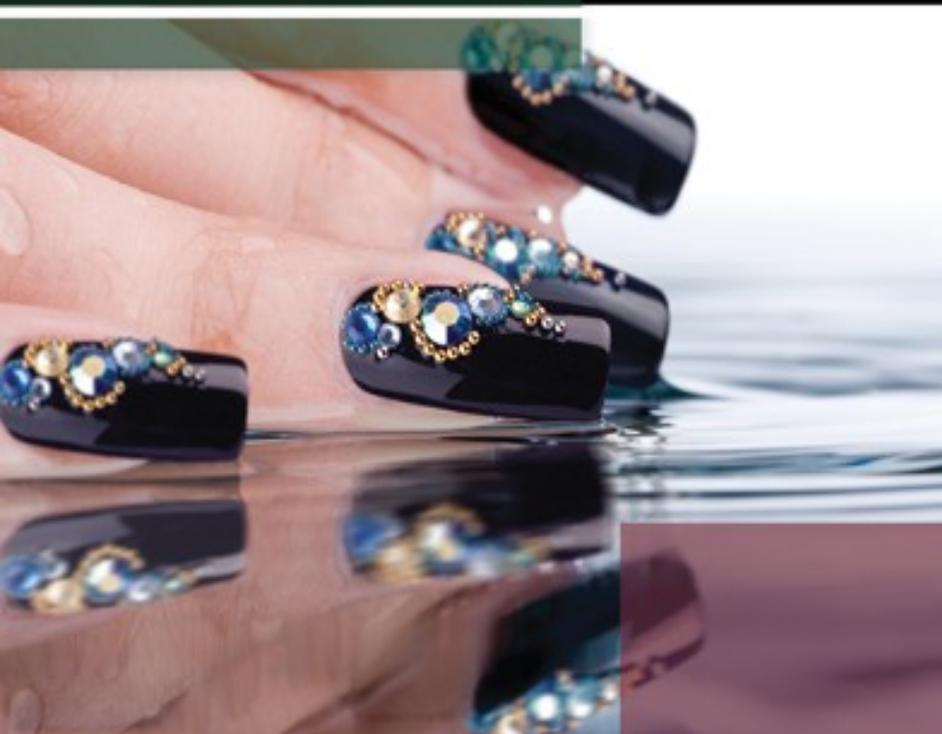
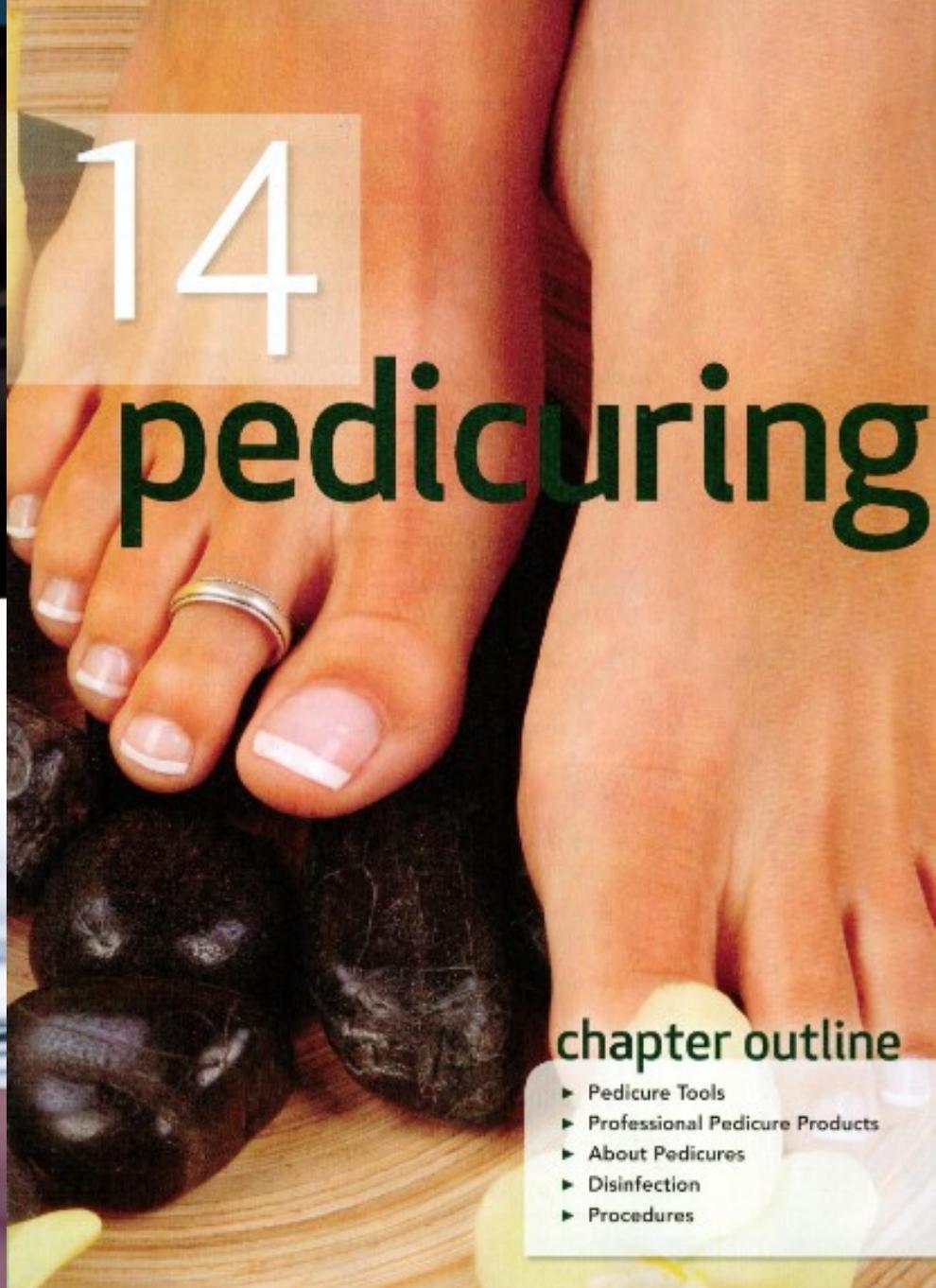


MILADY'S STANDARD NAIL TECHNOLOGY



14

pedicuring



chapter outline

- ▶ Pedicure Tools
- ▶ Professional Pedicure Products
- ▶ About Pedicures
- ▶ Disinfection
- ▶ Procedures



Q.1

- A pedicure is a cosmetic service performed on the feet by a licensed nail technician that includes
- Săn sóc chân là dịch vụ thẩm mỹ thực hiện trên chân bởi thợ làm móng chân gồm
 1. **trimming and shaping the toenails** cắt tỉa tạo hình móng chân
 2. **exfoliating the skin** tẩy tế bào da chết
 3. **a foot massage** mát xa
 4. 1,2,3



Q.2

- Pedicure creates
- Chăm sóc móng chân tạo ra
 - 1.loyalty in clients khiến khách trung thành
 - 2.good income producers quy trình mang lợi nhuận tốt
 - 3.important preventive health services dịch vụ y tế dự phòng quan trọng
 - 4.1,2,3



Q.3

- Permanent tools used to perform nail services that are not implements.
- Những dụng cụ cố định dùng để thực hiện dịch vụ làm móng không phải là đồ nghề
 1. **equipments** thiết bị
 2. **materials** vật liệu
 3. **implements** đồ dùng
 4. **products** sản phẩm



Q.4

- The nail's technician pedicuring stool must be comfortable and
 - Ghế thợ làm móng chân ngồi phải thoải mái
 1. **ergonomic correct position** tư thế lao động đúng
 2. **adjustable position** điều chỉnh tư thế
 3. **maintain a healthy posture** duy trì tư thế khỏe mạnh
4. 1, 2, 3



Q.5

- The basin soak bath should be filled with
- Bồn ngâm chân phải được đổ đầy với
 - 1.cold water nước lạnh
 - 2.cool water nước mát
 - 3.hot water nước nóng
 - 4.warm water nước ấm



Q.6

- The pedicure foot bath must be:
- Bồn ngâm chân phải:
 1. big enough to completely immerse both of the client's feet đủ lớn để ngâm hoàn toàn cả hai chân khách
 2. big enough to completely immerse one of the client's feet đủ lớn để ngâm hoàn toàn một chân khách
 3. plumbed to hot water chuyển nước nóng
 4. plumbed to cold water chuyển nước lạnh



Q.7

- Basin soak bath are commonly made of
- Bồn ngâm chân thường làm bằng
 1. plastic or wood nhựa hay gỗ
 2. glass or ceramic thủy tinh hay sành sứ
 3. steel or ceramic thép hay sành sứ
 4. plastic or steel nhựa hay thép



Q.8

- The pedicure station should be set up to include a comfortable and ergonomically correct pedicuring stool or chair, a client's chair, and a
 - Chỗ sẵn sóc chân được xếp đặt gồm 1 ghế thợ ngồi với tư thế thoải mái khi lao động, ghế khách
1. **style book** quyển sách kiểu
 2. **client footrest** chỗ khách gác chân
 3. **retail display** nơi trưng bày bán lẻ
 4. **closet** tủ áo



Q.9

- Equipment designed to keep supplies organized is called a
- Thiết bị để giữ các món đồ tiếp liệu ngăn nắp
 1. **supply tray** khay đựng dụng cụ
 2. **pedicure cart** xe đẩy làm móng chân
 3. **station drawer** ngăn kéo chỗ làm việc
 4. **table organizer** chỗ ngăn nắp gọn gàng ở bàn



Q.10

- A small, spoon-shaped implement used for cleaning debris from the edges of the nail plate
 - Dụng cụ hình muỗng dùng để làm sạch cạnh đĩa móng
1. nipper kìm cắt
 2. abrasive file giũa
 3. curette thìa nạo
 4. rasp giũa 1 chiều



Q.11

- Curette with a _____ is used around the edges of the big toenail plate
 - Thìa nạo với _____ được dùng vòng quanh cạnh chân cái
1. **replacable edges** phần lưỡi có thể thay thế
 2. **dull edges** cạnh cùn
 3. **fixed edges** phần lưỡi cố định
 4. **sharp edges** cạnh sắc



Q.12

- Pedicure nail files should be used have a
- Giữa móng chân được dùng là giữa có
 1. **medium grit** độ nhám trung bình
 2. **coarse grit** độ nhám thô
 3. **sand paper** giấy ráp
 4. **no grit** không có độ nhám



Q.13

- **Foot paddles are designed to**
- **Giũa chân dùng để**
 - 1.remove calluses** tẩy chai chân
 - 2.smooth and reduce dry, flaky skin** làm nhẵn và giảm da khô có vẩy
 - 3.smooth foot calluses** làm mịn chai chân
 - 4.2 and 3**



Q.14

- An implement used in pedicures to trim tags of dead skin
 - Dụng cụ được sử dụng để cắt tỉa da chết
1. **toenail clipper** bấm móng chân
 2. **nail rasp** giũa móng 1 chiều
 3. **nipper** kìm cắt
 4. **foot paddle** giũa chai chân



Q.15

- A metal file with an edge that can file the nail plate in only one direction is called a
- Giũa kim loại với cạnh giũa 1 chiều
 1. nipper kìm cắt
 2. clipper kềm bấm móng tay
 3. curette thìa nạo
 4. rasp giũa móng 1 chiều



Q.16

- When performing a pedicure, carefully clip the toenails so that they are
- **Cẩn thận cắt móng chân để chúng**
 1. **long and elegant** dài và thanh nhã
 2. **pointed and thinned** nhọn và mỏng
 3. **rounded and short** tròn và ngắn
 4. **even with end of toe** đều với phần đầu ngón chân



Q.17

- Pedicure materials that can be used for clients who have not worn open-toed shoes are
- Vật liệu sẵn sóc chân dùng cho khách không mang giày hở ngón
 1. **toe separators** dụng cụ tách chân
 2. **toenail clippers** kèm cắt móng chân
 3. **pedicure footrest** chỗ gác chân
 4. **pedicure slippers** dép lê



Q.18

- Pedicure slippers are made of
- Dép lê khi làm móng chân là dép bằng
 1. **rubber or cotton** cao su hoặc bông
 2. **paper or plastic** giấy hoặc nhựa
 3. **paper or foam** giấy hoặc mút/xốp
 4. **rubber or plastic** cao su hoặc nhựa



Q.19

- What materials are specially designed for clients use in pedicures?
- Vật liệu đặc biệt dùng cho khách làm móng chân
 1. **toe separators** dụng cụ tách ngón chân
 2. **pedicure slippers** dép lê
 3. **gloves** găng tay
 4. 1 and 2



Q.20

- An implement used to smooth foot calluses
- Dụng cụ làm mịn chai chân
 - 1.curette thìa nạo
 - 2.foot paddle giữa chân
 - 3.rasp giữa gõ
 - 4.nipper kềm cắt



Q.21

- The jaws on toenail clippers are
- Lưỡi kẹp của bấm móng chân nên
 1. **curve or rough** cong hay lởm chởm
 2. **curve or straight** cong hay thẳng
 3. **pointed or rough** nhọn hay lởm chởm
 4. **pointed or straight** nhọn hay thẳng



Q.22

- Terry cloth mitts are used over
- Bao chân vải dùng phủ trên
 - 1.paraffin sáp paraffin
 - 2.nail polish màu sơn
 - 3.1 and 2 are correct 1 và 2 đúng
 - 4.1 and 2 are incorrect 1 và 2 sai



Q.23

- The end of a curette is
- Đầu thìa nạo
 1. sharp and pointed bén và nhọn
 2. flat and dull bằng và cùn
 3. flat and sharp bằng và bén
 4. scoop shaped hình muỗng



Q.24

- A nail rasp is a type of
- Giữa một chiều là loại
 1. file giữa
 2. curette thìa nạo
 3. nipper kềm cắt
 4. pusher cây đẩy



Q.25

- A nail rasp should be used
- Giữa một chiều dùng
 - 1.on the top of the nail trên đầu móng
 - 2.under the free edge of the nail dưới đầu móng
 - 3.past the hyponychium area qua khỏi da dưới móng
 - 4.on ingrown nails trên móng thọt



Q.26

- Nippers should not be used on the feet of clients who have
- Kềm cắt sẽ không được dùng trên chân khách bị
 1. diabetes tiểu đường
 2. psoriasis vẩy nến
 3. 1 and 2 are correct 1 và 2 đúng
 4. 1 and 2 are incorrect 1 và 2 không đúng



Q.27

- Foot soak are put into the pedicure bath water to
- Chất ngâm chân pha vào nước trong bồn ngâm chân để
 1. disinfect the basin tẩy uế chậu ngâm
 2. soften the skin làm mềm da
 3. disinfect the client's feet tẩy uế chân khách
 4. 1, 2, 3



Q.28

- Products used in the pedicure bath to soften the skin
- Sản phẩm dùng trong bồn ngâm chân để làm mềm da
 1. **foot soaks** chất ngâm chân
 2. **foot scrubs** chất chà xát chân
 3. **foot lotion** chất nước thơm
 4. **foot masks** chất mặt nạ chân



Q.29

- How long should the client's feet soak in the pedicure bath at the beginning of a pedicure service?
- Khách ngâm chân trong bao lâu khi bắt đầu dịch vụ chăm sóc chân?

1.1 minute

2.5 minutes

3.8 minutes

4.12 minutes



Q.30

- Exfoliating agents that may be found in pedicure scrubs are
- Chất liệu tẩy da chết trong chất chà xát chân
 1. quartz crystals tinh thể thạch anh
 2. polypropylen beads hạt polypropylene
 3. jojoba beads hạt jojoba
- 4. 1,2,3



Q.31

- Water-based lotions that contain an abrasive are known as:
- Nước thơm có chứa chất mài
 1. **exfoliating agents** chất lột tẩy da
 2. **liquid scrubs** chất lỏng chà xát
 3. **cuticle softeners** chất làm mềm chai chân
 4. **clay masks** mặt nạ đất sét



Q.32

- Products composed of mineral clays, moisturizing agents, skin softeners, aromatherapy oils, and beneficial extracts
- Sản phẩm gồm đất sét khoáng sản, chất giữ ẩm, chất mềm da, dầu hương liệu, các tinh chất có ích
 1. **exfoliating scrubs** chất chà xát chân
 2. **foot creams** kem dưỡng da chân
 3. **callus softeners** chất làm mềm chai chân
 4. **masks** mặt nạ



Q.33

- Products used to tighten and tone, hydrate, and nourish the skin
 - Sản phẩm dùng để làm co và mạnh da, giữ nước và bồi bổ cho da
1. **exfoliating scrubs** chất chà xát chân
 2. **foot creams** kem dưỡng da chân
 3. **callus softeners** chất làm mềm chai chân
 4. **masks** mặt nạ



Q.34

- Masks are applied to the skin and left in place for
 - Mặt nạ bôi lên da và để tại chỗ trong
- 1.5-10 minutes
 - 2.10-20 minutes
 - 3.20-25 minutes
 - 4.1,2,3



Q.35

- Products used to help remove and smooth calluses are
 - Sản phẩm giúp tẩy và mềm chai chân
1. **massage preparations** chất dùng để mát xa
 2. **sea salts** muối biển
 3. **abrasive scrubs** chất chà xát
 4. **clay masks** mặt nạ đất sét



Q.36

- Callus softener products are applied directly to the ___ and left on for a short period of time
- Chất làm mềm chai chân bôi trực tiếp lên _____ trong 1 lúc ngắn hạn

1. heels gót chân

2. bottom of the foot lòng bàn chân

3. over pressure points chỗ chai bị nén ép

4. 1 and 3



Q.37

- To reduce calluses it is recommended that you
- Để làm giảm chai chân, bạn nên
 1. perform exfoliation lột nhẹ da
 2. apply effective callus reduction products
 3. use the foot paddle dùng giữa chân
 4. 1,2,3



Q.38

- How long should you leave the reduction product on the callus?
- Bạn để sản phẩm giảm chai chân bao lâu?
 1. 60 seconds 60 giây
 2. 3 minutes 3 phút
 3. 5 minutes 5 phút
 4. 10 minutes 10 phút



Q.39

- When preparing the foot bath for a client, you must make sure that the water temperature does not exceed
- Khi chuẩn bị bồn ngâm chân cho khách, bạn cần chắc rằng nhiệt độ nước không quá

1.100

2.104

3.108

4.117



Q.40

- Lotion and creams are used on the feet to
- Nước thơm và kem dùng ở chân để
 - 1.moisturize the skin làm ẩm da
 - 2.soften calluses mềm chai chân
 - 3.provide slip for massage bôi trơn để mát xa
 - 4.1, 2,3



Q.41

- You encourage your clients to return _____ for a pedicure service
- Bạn khuyến khích khách trở lại _____ cho dịch vụ chăm sóc chân
 1. every week mỗi tuần
 2. every 2 weeks mỗi 2 tuần
 3. every month mỗi tháng
 4. every 3 months mỗi 3 tháng



Q.42

- Method of manipulation of the body by rubbing, pinching, kneading, tapping, etc
 - Thao tác trên cơ thể như chà xát, bóp vắt, tầm quất, vỗ
- 1.reflexology phản xạ học
 - 2.massage matxa
 - 3.effleurage xoa da
 - 4.aromatherapy điều trị bằng hương liệu



Q.43

- The primary purpose of the standard pedicure massage is
- Mục tiêu chính của mát xa là
 1. **relaxational** thư giãn
 2. **medicinal** y tế
 3. **therapeutic** trị liệu
 4. **1, 2, 3 are incorrect** 1, 2, 3 không đúng



Q.44

- Friction massage movements should only be used on which part of a client's foot?
 - Thao tác chà xát chỉ dùng trên phần nào của bàn chân khách?
- 1.the toes ngón chân
 - 2.the bottom of the foot lòng bàn chân
 - 3.the ankle cổ chân
 - 4.the top of the foot mu bàn chân



Q.45

- Cleaning, disinfecting of your tools, implements, and materials, setting up the workstation, and escorting your client to your service area
 - Rửa, khử trùng dụng cụ, xếp đặt nơi làm việc, và đưa khách đến chỗ thực hiện dịch vụ
1. **preservice** tiền dịch vụ
 2. **service** dịch vụ
 3. **post service** hậu dịch vụ
 4. **mid service** giữa dịch vụ



CHPT 14 Answer Key

- 1.4 2.4 3.1 4.4 5.4
- 6.1 7.3 8.2 9.2 10.3
- 11.2 12.1 13.3 14.3 15.4
- 16.4 17.4 18.3 19.4 20.2
- 21.2 22.1 23.4 24.1 25.2
- 26.3 27.2 28.1 29.2 30.4
- 31.1 32.4 33.4 34.1 35.3
- 36.4 37.4 38.3 39.2 40.4
- 41.3 42.2 43.1 44.2 45.1